TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Xích Thị Bích Nhi, bà Táo Thị Mộng Quyên.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số 317/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Chiếng A T, sinh năm 2000 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Dường A S, sinh năm 1994 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị C A T trình bày: Chị Chiếng A T và anh Dường A S sau một thời gian tự nguyện tìm

hiểu, yêu thương thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 23/3/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vạ, bất đồng quan điểm. Anh S nhậu nhẹt, không quan tâm, chăm sóc gia đình dù chị T đã cố gắng chịu đựng, hòa giải để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh S không thay đổi. Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên vợ chồng chị T, anh S đã sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dường A S.

- Về con chung: Chị T và anh S có hai con chung là Dường Ngọc Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020 và Dường Đình Q, sinh ngày 14/10/2022. Chị T yêu cầu nuôi con chung Dường Đình Q và giao con chung Dường Ngọc Bảo T1 cho anh S nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dường A S trình bày: Anh xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2023 thì sống ly thân cho đến nay. Nay chị T làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, anh S đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh S đồng ý để chị Chiếng A T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Dường Đình Q, sinh ngày 14/10/2022. Anh Dường A S tiếp tục nuôi dưỡng con chung Dường Ngọc Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Anh sáng khai không có nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã thật sự trầm trọng, anh S và chị T không thương yêu, chia sẻ giúp đỡ chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân. Hơn nữa, quá trình chung sống anh S đã không làm tròn nghĩa vụ của người chồng,

không quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ chị T để cùng nhau chăm sóc gia đình, con cái. Vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị T yêu cầu ly hôn anh S đồng ý, chứng tỏ hôn nhân của chị T, anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 BLTTDS năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C A T về việc ly hôn với anh Dường A S; về con chung: giao con chung tên Dường Đình Q, sinh ngày 14/10/2022 cho chị C A T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung tên Dường Ngọc Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020 cho anh D A S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn của chị C A T và anh Dường A S. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Chiếng A T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Dường A S, anh S có hộ khẩu thường trú tại huyện B, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chiếng A T và anh Dường A S có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 23/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh S là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn Chiếng A T và bị đơn anh Dường A S: Tại phiên tòa chị T, anh S đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo chị Chiếng A T trình bày trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên

những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chỗng thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm. Anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm, chăm sóc gia đình, chị T đã cố gắng chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng anh S không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn gửi Tòa án yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử thấy rằng: Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, phải có nghĩa vụ chung sống với nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của chị T, anh S không còn hạnh phúc, anh chị không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng, giúp đỡ nhau nên hạnh phúc gia đình ngày rạn nứt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai và thực tế anh chị đã tự sống xa nhau từ cuối năm 2023 đầu năm 2024 cho đến nay, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài nhưng vợ chồng chị T, anh S không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S không đến Tòa án để tham gia hòa giải nhưng trong biên bản lấy lời khai anh xác định vợ chồng anh có mâu thuẫn như chị T trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trâm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chiếng A T đối với anh Dường A S.

Về con chung: Chị C A T và anh Dường A S có hai con chung là Dường Đình Q, sinh ngày 14/10/2022 và Dường Ngọc Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung Dường Đình Q và giao con chung Dường Ngọc Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020 cho anh D A S tiếp tục nuôi dưỡng. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh S đồng ý với yêu cầu của chị T. Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử, thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo đời sống của con được ổn định, nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nhất, không làm xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt của con chung. Hơn nữa, qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn và xác minh tại địa phương thì hiện nay chị T và anh S đang chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt, đảm bảo sự phát triển các các con. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự đối với yêu cầu nuôi dưỡng con.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng: Chị T, anh S không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được giải thích

quyền được yêu cầu cấp dưỡng của người trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng chị T, anh S vẫn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chiếng A T, anh Dường A S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị C A T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 BLTTDS năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Chiếng A T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chiếng A T được ly hôn với anh Dường A S.

***Về con chung*:** Chị Chiếng A T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Dường Đình Q, sinh ngày 14/10/2022. Anh Dường A S tiếp tục nuôi dưỡng con chung Dường Ngọc Bảo T1, sinh ngày 26/6/2020. Chị Chiếng A T, anh Dường A S không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dường A S và chị Chiếng A T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Anh Dường A S và chị C A T được quyền thăm non con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Trên cơ sở lợi ích của con chung, khi cần thiết anh Dường A S và chị Chiếng A T có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chiếng A T, anh Dường A S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Chiếng A T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai số 0009047 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Dường A S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Chiếng A T, anh Dường A S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Bắc Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình (GCN kết hôn số 07, ngày 23/3/2020)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Ngọc